

Số: 01/2017/QĐST-KDTM

Phú Vang, ngày 05 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2017, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, chủ doanh nghiệp tư nhân TL

Địa chỉ: 217 PBC, thành phố H, tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn D, Kế toán doanh nghiệp tư nhân TL; Địa chỉ: 217 PBC thành phố H, tỉnh H

Bị đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm T; chức vụ: Giám đốc

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và phương thức, thời gian trả nợ:

Công ty TNHH B công nhận nợ và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bà Nguyễn Thị T là chủ doanh nghiệp tư nhân TL số tiền: 56.917.500 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng), theo 02 lần như sau:

Lần 1: Vào ngày 23/10/2017, Công ty TNHH B trả cho Bà Nguyễn Thị T, chủ doanh nghiệp tư nhân TL số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Lần 2: Vào ngày 23/12/2017, Công ty TNHH B trả cho Bà Nguyễn Thị T, chủ doanh nghiệp tư nhân TL số tiền: 26.917.500 đồng (Hai mươi sáu triệu, chín trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí: Các đương sự phải chịu 50% $\times$ 5% $\times$ 26.917.500 đồng = 1.422.937 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí. Do đó, Công ty TNHH B chịu: 711.468 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị T, chủ doanh nghiệp tư nhân TL chịu: 711.468 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà Nguyễn Thị T đã nộp 1.500.000 đồng, theo biên lai số AA/2013/003695 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T, chủ doanh nghiệp tư nhân TL số tiền chênh lệch là: 788.532 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

VÕ SƠN